TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2018
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Hạnh** và ông **Phạm Tuấn Ah**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 482/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2017 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Trương C** - sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Đất Mới, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

-Bị đơn: Ah **Nguyễn Quyết T** - sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 347, khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ.

(Chị C có mặt, Ah T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2017, bản tự khai ngày 06/12/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Trương C trình bày*:**

Về quA hệ hôn nhân: Ngày 26/4/2004, chị và Ah Nguyễn Quyết T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy bA nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93/2004.

Sau khi kết hôn, chị về C sống với gia đình chồng tại số nhà 347, khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ. Trong thời giA C sống từ năm 2004 đến năm 2010 cuộc sống vợ chồng Ah chị có nhiều mâu thuẫn, Anh T thường xuyên rượu bia không có trách nhiệm với gia đình và các con, bản thân chị bị Anh T bạo hành và có những lời lẽ xúc

phạm đến nhân phẩm, trong thời giA dài cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, không thế tiếp tục sống C.

Ngày 11/3/2010, chị cảm thấy không thể tiếp tục sống C với Ah T nên chị đã về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại ấp Đất Mới, xã P, huyện N, tỉnh Đ. Kể từ đó cho đến nay chị và Ah T đã quyết định sống ly thân. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, xây dựng hạnh phúc cho vợ chồng chị nhưng vợ chồng chị không thể hòa thuận được. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với Ah Nguyễn Quyết T.

Về con C: Có 02 con C là Nguyễn Phúc K – sinh ngày 17/02/2007, Nguyễn Hạnh A – sinh ngày 10/01/2009. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con C và chị C không yêu cầu Ah T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ C: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

***- Theo đơn bản lấy lời khai ngày 22/12/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa bị đơn Ah Nguyễn Quyết T trình bày*:**

Về quA hệ hôn nhân: Ah và chị Trần Trương C tự quen nhau năm 1998. Qua thời giA yêu nhau thì Ah và chị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân thị trấn Q, huyện Q và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93, quyển số 01 ngày 26/4/2004.

Vợ chồng Ah chị C sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2010 tại số nhà 347, tổ 6, khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ. Tại thời điểm hai vợ chồng Ah sống tại Q thì Ah có áp đặt lối sống của Ah cho cuộc sống gia đình nê vợ chồng có xảy ra cãi vã về vấn đề sinh hoạt C gia đình. Đến ngày 11/3/2010, Ah biết được chị C sẽ được đi học cao cấp lý luận chính trị nên Ah bàn lại với chị C là sẽ dần dần thay thế việc nhà để chị C A tâm đi học xa nhưng chị C không tin tưởng Ah, chê Ah không đảm trách được công việc và chị C nói lấn át với Ah về vấn đề công việc không để Ah nói, thậm chí chị C con xúc phạm đến gia đình Ah và Ah có tát vào mặt nên chị C chạy ra ngoài la lối. Ngày hôm sau, chị C và các con tự ý bỏ về ấp Đất Mới, xã P, huyện N, tỉnh Đ ở riềng cho đến nay mặc cho Ah khuyên cA nhưng không được.

Hai vợ chồng quyết định sống ly thân từ tháng 3/2010 cho đến nay. Thời giA sống ly thân, Ah không nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Mâu thuẫn của vợ chồng Ah không được gia đình hai bên không giúp đỡ, giải quyết tình trạng mâu thuẫn vì gia đình vợ tỏ thái độ xem thường mẹ Ah. Trong thời giA sống ly thân thì Ah thường xuyên về thăm vợ con nhưng chị C tỏ thái độ giận hờn và không thiện chí hàn gắn tình cảm, không những vậy gia đình chi C tỏ thái độ ủng hộ chị C, không nghe và không cho Ah nói ý kiến của mình, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói C, không hàn gắn được.

Trong thời giA sống ly thân, năm 2011 chị C chỉ có một lần hỏi thăm sức khỏe Ah còn từ đó về sau khi Ah liên hệ điện thoại thì chị C ít nghe điện thoại hoặc nghe thì cũng nói được vài câu thì vợ chồng lại xảy ra cự cãi, nhắn tin thì chị C không trả lời.

Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Ah thì Ah không đồng ý. Lý do Ah vẫn còn yêu thương vợ con.

Về con C: Ah và chị C có 02 con C là Nguyễn Phúc K – sinh ngày 17/02/2007, Nguyễn Hạnh A – sinh ngày 10/01/2009. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C thì Ah tự nguyện giao con C tên K cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Ah yêu cầu được trực tiếp nuôi dường con C tên A và Ah không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản C: Không có, Ah không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ C: Không có, Ah không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Ah không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

QuA điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định đúng quA hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị C và Ah T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị C và Ah T không còn tôn trọng, chăm sóc nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân đã lâu nên yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C. Về con C: Qua chứng cứ thu thập được thì chị C có đủ điều kiện nuôi con C. Đề nghị giao 02 con C cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Ah T. Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn Ah Nguyễn Quyết T cư trú tại khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[2] Về tư cách đương sự: Chị Trần Trương C khởi kiện xin ly hôn với Ah Nguyễn Quyết T nên chị C là nguyên đơn, Ah T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quA hệ pháp luật trAh chấp: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con nên quA hệ pháp luật được xác định là " Ly hôn, trAh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Ah Nguyễn Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Ah T.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quA hệ hôn nhân: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và Ah T đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống C. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, C thủy, tôn trọng, quA tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống C với nhau***". Tuy nhiên, kể từ tháng 3/2010 đến nay, chị C và Ah T không còn sống C với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ C của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Qua xác minh tại địa phương thể hiện quá trình sống C vợ chồng chị C và Ah T thể hiện đúng thực tế cuộc sống vợ chồng Ah T và chị C hiện đã không còn tình cảm, hai vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần mời Ah T và chị C đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng Ah chị luôn tránh né nhau nên hòa giải đoàn tụ không thành; điều đó thể hiện cuộc sống vợ chồng Ah T và chị C không còn và trên thực tế chị Chun và Ah T vẫn tiếp tục sống ly thân nhau.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và Ah T đã trầm trọng; cuộc sống C không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Trương C xin ly hôn với Ah Nguyễn Quyết T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

Con C giữa chị Trần Trương C và Anh Nguyễn Quyết T là cháu Nguyễn Phúc K – sinh ngày 17/02/2007 và cháu Nguyễn Hạnh A – sinh ngày 10/01/2009; cả hai cháu đều đAg sống C với chị C.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị C là người có đạo đức, nhân cách tốt; Có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng chị C mâu thuẫn phải sống ly thân thì chị C chăm sóc con chu đáo… Tại 02 sổ liên lạc của các cháu tại Trường mầm non P, huyện N, tỉnh Đ đều thể hiện các cháu phát triển tốt về thể chất. Đồng thời, chị C còn cung cấp thêm như bảng lương, số dư tài khoản ngân hàng và Ah T thừa nhận trong thời giA sống ly thân thì chị C vẫn tạo điều kiện cho Ah T được thăm nom các cháu (bút lục số 105) nên có cơ sở tin cậy rằng nếu tiếp tục giao các con C cho chị C thì các cháu K và cháu A sẽ tiếp tục được chăm sóc tốt, phát triển bình

thường. Do đó, để tránh xáo trộn đời sống của các cháu K, cháu A và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con C, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu K và cháu A cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ah T có quyền thăm nom con C không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con C Ah T và chị C có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nôi con C: Chị C không yêu cầu Ah T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Ah T.

Về tài sản C, nợ C: Do chị C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Trương C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Trương C và bị đơn Ah Nuyễn Quyết T được ly hôn.

2. Về con C: Giao cháu Nguyễn Phúc K – sinh ngày 17/02/2007 và cháu Nguyễn Hạnh A – sinh ngày 10/01/2009 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Ah T do chị C không yêu cầu.

Ah T có quyền thăm chăm sóc con C không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con C, Ah T và chị C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản C và nợ C: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Trương C phải chịu 300.000 đồng. Chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004559 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Trương C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ah Nguyễn Quyết T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa